

Bản án số: 126/2024/DS-ST  
Ngày: 07 – 8 - 2024  
V/v tranh chấp hợp đồng cầm cố

## NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Trúc Phương.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Hà Văn Châu.

Ông Nguyễn Phước .

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Minh Thuận, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Lê Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 50/2024/TLST-DS ngày 15 tháng 02 năm 2024 về việc “tranh chấp hợp đồng đặt cọc” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 323/2024/QĐXXST-DS ngày 24/6/2024, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Công ty cổ phần S có ngay. Địa chỉ trụ sở: số A đường N, Phường B, Thành phố V, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Võ Anh H. Địa chỉ: số D đường L, Phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (theo văn bản ủy quyền số 289/2023/UQ-SVN ngày 01/10/2023, vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

**- Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị Thu H1. Địa chỉ: số A đường B, Khóm E, Phường D, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

**- Theo đơn khởi kiện ngày 12/01/2024 và lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền ông Võ Anh H:**

Vào ngày 03/02/2023, bà Nguyễn Thị Thu H1 có đến chi nhánh S1 của Công ty cổ phần S có ngay, địa chỉ: số D đường L, Phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng và ký Hợp đồng cầm cố tài sản số STM230201001NA22X ngày 03/02/2023 kèm theo Phụ lục hợp đồng cầm cố và đăng ký giao dịch bảo đảm trên

hệ thống đăng ký trực tuyến của Cục Q: Giaodichdambao/botuphap, theo web: <https://dktructuyen.moj.gov.vn/>

- Tài sản thế chấp là: Một xe hai bánh biển kiểm soát 83P4-504.39, loại xe Honda Airblade 125CCFI màu, đỏ đen, số khung RLHJK1404NZ029633, số máy JK14E0050101, số giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 008274 do Công an thành phố S cấp ngày 30/01/2023.

- Số tiền cầm cố: 25.300.000 đồng, thời hạn cầm cố là 18 tháng (từ ngày 03/02/2023 – 03/8/2024), lãi suất 1,1%/tháng. Theo hợp đồng cầm cố đã ký thì công ty đã giải ngân đầy đủ số tiền cho bà Nguyễn Thị Thu H1.

Do có nhu cầu đi lại hàng ngày nên Công ty có ký giấy cho bà H1 mượn lại xe để sử dụng. Trong Giấy mượn xe có quy định rõ thời hạn mượn xe từ ngày 03/02/2023 đến ngày 03/3/2023 địa điểm trả xe tại Chi nhánh S1.

Quá trình trả nợ, bà Nguyễn Thị Thu H1 chưa thanh toán đúng nghĩa vụ theo Hợp đồng cho công ty, đến nay đã quá hạn và bà H1 cũng không trả lại xe máy cho công ty theo giấy mượn xe.

Nay Công ty cổ phần S có ngay yêu cầu Tòa án giải quyết.

Buộc Nguyễn Thị Thu H1 phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng cầm cố, giấy mượn xe đã ký với Chi nhánh S1 - Công ty cổ phần S tiền có ngay số theo Hợp đồng cầm cố số STM230201001NA22X, kèm giấy mượn xe đã ký với Chi nhánh S1 - Công ty cổ phần S tiền có ngay ngày 03/02/2023 số tiền 36.506.000 đồng (Ba mươi sáu triệu năm trăm lẻ sáu nghìn đồng) tạm tính đến ngày 07/08/2024 bao gồm:

+ Gốc: 21.569.000 VNĐ

+ Lãi 3.558.000 VNĐ (15 tháng x 1.1%/ tháng).

Trường hợp bà Nguyễn Thị Thu H1 không có khả năng trả nợ buộc bà Nguyễn Thị Thu H1 phát mãi tài sản để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho công ty S. Ngoài ra bà Nguyễn Thị Thu H1 còn phải tiếp tục chịu lãi suất, phí phát sinh theo hợp đồng cầm cố đã ký kể từ ngày 03/02/2023 cho đến khi thanh toán xong nợ.

Đến ngày 02/3/2024 người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Võ Anh H có đơn yêu cầu thay đổi một phần đơn khởi kiện ngày, không yêu cầu xử lý tài sản thế chấp.

Tại Đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 02/8/2024 người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Võ Anh H thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu bà H1 trả các khoản phí, chỉ yêu cầu nợ gốc và nợ lãi trong hạn, nợ lãi quá hạn.

Yêu cầu bà Nguyễn Thị Thu H1 thanh toán nợ vay tại hợp đồng cầm cố số STM230201001NA22X cho Công ty tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 07/8/2024 gồm: Nợ gốc: 21.569.000 VNĐ. Lãi trong hạn: 3.558.000 VNĐ (15 tháng x 1.1%/ tháng). Tổng cộng là: 25.127.000 đồng.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H1 vắng mặt suốt quá trình giải quyết vụ án nên không ghi nhận được ý kiến.

- Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng: về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án tại giai đoạn sơ thẩm và tại phiên tòa sơ thẩm đã thực hiện đúng pháp luật tố tụng dân sự, đồng thời, phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án là đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn phải trả nợ gốc: 21.569.000 VNĐ, lãi trong hạn: 3.558.000 VNĐ. Tổng cộng là: 25.127.000 đồng. Và buộc bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Từ khi Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng thụ lý vụ án đến nay bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H1 vắng mặt tại địa chỉ số A đường B, Khóm E, Phường D, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. Tuy nhiên, nguyên đơn đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của bị đơn theo Hợp đồng cầm cố tài sản số STM230201001NA22X ngày 03/02/2023 nhưng bị đơn vắng mặt tại nơi cư trú gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong hợp đồng nêu trên mà không thông báo cho nguyên đơn biết về nơi cư trú, làm việc mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật Dân sự năm 2015 được coi là cố tình giấu địa chỉ nên Tòa án vẫn giải quyết vụ án theo thủ tục chung và thực hiện các thủ tục niêm yết văn bản tố tụng cho bị đơn đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, các khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt các đương sự và căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Võ Anh H, trong phạm vi được ủy quyền đã thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện không yêu cầu phát mãi tài sản cầm cố xe là hai bánh biển kiểm soát 83P4-504.39, loại xe Honda Airblade 125CCFI màu, đồ đen và không yêu cầu trả các khoản phí. Việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của người đại diện ủy quyền của nguyên đơn là tự nguyện, không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Xét Hợp đồng cầm cố tài sản số STM230201001NA22X ngày 03/02/2023, kèm theo Phụ lục hợp đồng cầm cố; Giấy mượn xe ngày 03/02/2023 giữa Công ty cổ phần S có ngay với bà Nguyễn Thị Thu H1. Về tính hợp pháp của hợp đồng các bên đều có đủ tư cách chủ thể, có đủ năng lực hành vi dân sự nên chủ thể tham gia ký kết hợp đồng là hợp pháp. Hợp đồng được lập thành văn bản các bên đều tự nguyện ký tên, đóng dấu xác nhận nên hình thức hợp đồng hợp pháp.

Đồng thời, việc cầm cố có đăng ký giao dịch bảo đảm trên hệ thống đăng ký trực tuyến của Cục Q: Giaodichdambao/botuphap, theo web: HYPERLINK "<https://dktructuyen.moj.gov.vn/>" <https://dktructuyen.moj.gov.vn/>Các đương sự thỏa thuận về toàn bộ các điều khoản trong nội dung hợp đồng, tự nguyện ký kết, không bị lừa dối ép buộc và nội dung hợp đồng phù hợp với quy định tại các Điều 309, 310, 311, 312, 313, 314 Bộ luật dân sự năm 2015 nên có hiệu lực và buộc các bên thực hiện quyền và nghĩa vụ đối với nhau theo hợp đồng.

[4]. Theo lời trình bày của nguyên đơn, trong thời gian thực hiện hợp đồng, bà H1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho Công ty theo hợp đồng đã ký kết nêu trên, từ ngày 03/02/2023 đến ngày 03/5/2023 bà H1 đã trả được số tiền là 8.135.000 đồng (trong đó, tiền gốc: 3.731.000 đồng, lãi trong hạn: 794.000 đồng, phí mượn xe: 2.648.000 đồng, phí quản lý hồ sơ: 361.000 đồng, phí vi phạm nghĩa vụ thanh toán). Từ ngày 03/6/2023 cho đến nay bà H1 không trả tiền gốc và lãi cho Công ty theo thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Điều 4 của Hợp đồng cầm cố tài sản và Điều 4 của phụ lục hợp đồng mà các bên đã ký kết. Do đó, Công ty Cổ phần S Có Ngay đã chấm dứt hợp đồng, thu hồi nợ trước hạn và yêu cầu bà H1 phải thanh toán cho Công ty số tiền gốc còn nợ là 21.569.000VNĐ theo Điều 6 của Hợp đồng cầm cố tài sản là có căn cứ nên được chấp nhận.

[5] Xét yêu cầu tính lãi của nguyên đơn, thấy rằng: Tại hợp đồng cầm cố tài sản số STM230201001NA22X ngày 03/02/2023, hai bên thỏa thuận mức lãi suất trong hạn là 1,1%/tháng; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Xét thấy, mức lãi suất của hợp đồng các bên đã ký kết là phù hợp theo quy định tại khoản 6 Điều 29 Nghị định 96/2016/NĐ-CP/01/7/2016 của Chính phủ, khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên bị đơn phải có nghĩa vụ trả lãi cho nguyên đơn theo hợp đồng đã giao kết. Xét thấy, quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn chỉ trả cho nguyên đơn được 03 kỳ lãi (từ ngày 03/02/2023 đến ngày 03/5/2023) với số tiền lãi trong hạn: 794.000 đồng, từ ngày 03/6/2023 đến nay bị đơn chưa trả lãi cho nguyên đơn. Hội đồng xét xử xét thấy số tiền lãi từ ngày 03/6/2023 đến ngày 07/8/2024 với mức lãi suất 1,1%/tháng x 15 tháng là 3.558.000 đồng là có căn cứ nên được chấp nhận. Như vậy, tổng số tiền gốc và lãi mà bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H1 có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty Cổ phần S Tiền Có Ngay là 25.127.000 đồng.

[6] Xét yêu cầu tiếp tục tính lãi kể từ ngày xét xử sơ thẩm của nguyên đơn theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng thấy rằng, yêu cầu này của nguyên đơn phù hợp với hợp đồng hai bên đã ký kết và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên được chấp nhận.

[7] Sau khi bà Nguyễn Thị Thu H1 thi hành xong số tiền nợ cho Công ty cổ phần S có ngay thì Công ty có nghĩa vụ trả lại cho bà Nguyễn Thị Thu H1 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 008274 do Công an thành phố S cấp ngày 30/01/2023 của mô tô hai bánh biển kiểm soát 83P4-504.39, loại xe Honda

Airblade 125CCFI màu, đồ đen, số khung RLHJK1404NZ029633, số máy JK14E0050101.

[8] Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là xe là hai bánh biển kiểm soát 83P4-504.39, loại xe Honda Airblade 125CCFI màu, đồ đen, yêu cầu bị đơn trả các khoản phí nay nguyên đơn đã rút nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[9] Từ những phân tích trên, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

[10] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp số tiền 912.000.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001477 ngày 02/02/2024 của Chi Cục thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 1.256.350 đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 93, Điều 94, Điều 95, khoản 1 Điều 157, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277, 280, 309, 310, 311, 312, 313, 314, 357, 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần S có ngay.

1/. Buộc bà Nguyễn Thị Thu H1 trả cho Công ty cổ phần S có ngay số tiền còn nợ tính đến ngày 07-8-2024 tổng cộng là 25.127.000 đồng (trong đó: nợ gốc: 21.569.000 đồng; nợ lãi 3.558.000 đồng) theo Hợp đồng cầm cố tài sản số STM230201001NA22X ngày 03/02/2023, kèm theo Phụ lục hợp đồng cầm cố.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà Nguyễn Thị Thu H1 còn phải trả lãi cho nguyên đơn Công ty Cổ phần S có ngay theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng cầm cố trên số tiền gốc chưa thanh toán cho đến khi thanh toán xong số tiền gốc.

2/. Sau khi bà Nguyễn Thị Thu H1 thi hành xong số tiền nợ cho Công ty cổ phần S có ngay thì Công ty có nghĩa vụ trả lại cho bà Nguyễn Thị Thu H1 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 008274 do Công an thành phố S cấp ngày 30/01/2023 của mô tô hai bánh biển kiểm soát 83P4-504.39, loại xe Honda Airblade 125CCFI màu, đỏ đen, số khung RLHJK1404NZ029633, số máy JK14E0050101.

3/. Công ty cổ phần S có ngay không yêu cầu xử lý tài sản cầm cố là mô tô hai bánh biển kiểm soát 83P4-504.39, loại xe Honda Airblade 125CCFI màu, đỏ đen, số khung RLHJK1404NZ029633, số máy JK14E0050101 nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4/. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp số tiền 912.000.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001477 ngày 02/02/2024 của Chi Cục thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 1.256.350 đồng.

5/. Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

6/. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung), thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung); Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung).

**Noinhận:**

- Các đương sự;
- VKSND TP. Sóc Trăng;
- Chi cục THADS TP. Sóc Trăng;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**

**Nguyễn Trúc Phương**